TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26-6-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Hiệp;

Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên toà: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 61/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Tuyết T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn A, sinh năm 1985.

Địa chỉ: xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

(các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 11 tháng 4 năm 2023 của bà Võ Thị Tuyết T thể hiện:

Bà Võ Thị Tuyết T và ông Võ Văn A tổ chức cưới năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N vào ngày 15/9/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến. Vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ tháng 01/2018 đến nay. Nay xét thấy vợ chồng chung sống không có hạnh phúc nên bà T yêu cầu ly hôn với ông A.

Về con chung: Bà T và ông A có 01 người con chung là Võ Thị Tuyết Nh, sinh ngày 06/6/2011, hiện nay đang sống chung với bà T. Khi ly hôn bà T yêu cầu được quyền nuôi con chung, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Võ Văn A:* Toà án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự nhưng ông Võ Văn A vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Toà án.

- *Đối với con chung Võ Thị Tuyết Nh:* Tại tờ tường trình ngày 28/4/2023, cháu Võ Thị Tuyết Nh trình bày: Trường hợp cha mẹ cháu ly hôn, không còn sống chung với nhau cháu có nguyện vọng sống với mẹ là Võ Thị Tuyết T.

- *Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật do vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải.

Bà Võ Thị Tuyết T và ông Võ Văn A đã được cấp tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà T, ông A vắng mặt. Bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông A vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Võ Thị Tuyết T và ông Võ Văn A.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử bà Võ Thị Tuyết T được ly hôn với ông Võ Văn A. Về con chung: Đề nghị giao con chung Võ Thị Tuyết Nh, sinh ngày 06/6/2011 cho bà Võ Thị Tuyết T được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi đến khi con chung Võ Thị Tuyết Nh đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Võ Thị Tuyết T không có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng nuôi con, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu gì nên đề nghị không xem xét và đề nghị tuyên về án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà T, ông A đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng bà T, ông A vắng mặt. Bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông A vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Võ Thị Tuyết T và ông Võ Văn A.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Tuyết T và ông Võ Văn A tự nguyện kết hôn, được UBND xã N, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 105 ngày 15/9/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thị Tuyết T và ông Võ Văn A là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà T và ông A đã phát sinh mâu thuẫn và ông bà không còn sống chung với nhau từ năm 2018 đến nay, không hàn gắn được, cho thấy cuộc sống hôn nhân của bà T và ông A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Tuyết T.

[3] Về con chung: Bà T và ông A có 01 người con chung là Võ Thị Tuyết Nh, sinh ngày 06/6/2011, hiện đang do bà T nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà T yêu cầu được quyền nuôi con chung. Xét thấy, từ khi bà T và ông A không còn sống chung với nhau cho đến nay thì cháu Nhi do bà T nuôi dưỡng. Cháu Nhi cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Căn cứ vào nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử thống nhất giao con chung Võ Thị Tuyết Nh cho bà T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình là phù hợp, đảm bảo quyền lợi và sự phát triển mọi mặt của con chung Võ Thị Tuyết Nh.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Võ Thị Tuyết T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết T đối với bị đơn ông Võ Văn A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Tuyết T được ly hôn với ông Võ Văn A.

2. Về con chung: Giao cho bà Võ Thị Tuyết T được quyền trực tiếp nuôi con chung Võ Thị Tuyết Nh, sinh ngày 06/6/2011 cho đến khi cháu Võ Thị Tuyết Nh đủ 18 tuổi. Ông Võ Văn A được quyền thăm nom con chung Võ Thị Tuyết Nh không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Võ Thị Tuyết T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thị Tuyết T phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007453 ngày 26/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Bà Võ Thị Tuyết T đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- UBND xã N (Theo GCNKH số 105 ngày 15/9/2011;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mến